

**NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC**  
**TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*Báo cáo tài chính hợp nhất*  
*cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012*  
*đã được kiểm toán*

## **NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 03
Báo cáo kiểm toán	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05 – 36
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 – 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 – 36

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ- BGD&ĐT-TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại: D14-D6 KĐT mới Cầu Giấy - Dịch Vọng - Cầu Giấy - Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Minh Khang	Chủ tịch
Ông Cán Hữu Hải	Phó chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên	Ủy viên
Ông Hà Sỹ Tuyển	Ủy viên
Ông Bùi Vũ Hùng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Cán Hữu Hải	Giám đốc
Ông Bùi Vũ Hùng	Phó Giám đốc
Ông Phạm Quỳnh	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên	Phó Giám đốc
Ông Hà Sỹ Tuyển	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Xuân Thành	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Tùng	Ủy viên
Bà Trần Thị Uyên	Ủy viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### **Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

---

**Cán Hữu Hải**  
Giám đốc

*Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013*

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012  
của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội*

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội được lập ngày 28 tháng 03 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thử nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính hợp nhất về vấn đề sau :  
Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.17: Theo hướng dẫn của Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 thì phần thu nhập của doanh nghiệp có được từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản sẽ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động. Tuy nhiên, tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất này do chưa có hướng dẫn cụ thể của các cơ quan chức năng về việc áp dụng nội dung của văn bản nêu trên đối với đặc thù hoạt động của Công ty nên Công ty đang thực hiện tính thuế TNDN phải nộp theo thuế suất hiện hành là 25%.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

---

**Nguyễn Thanh Tùng**

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013

---

**Nguyễn Ngọc Lân**

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 1427/KTV

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A . TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>155.225.477.813</b>	<b>150.334.984.399</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>63.021.506.536</b>	<b>71.877.870.285</b>
111	1. Tiền		4.111.506.536	1.787.870.285
112	2. Các khoản tương đương tiền		58.910.000.000	70.090.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>8.795.812.102</b>	<b>11.942.654.521</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		8.795.812.102	11.942.654.521
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>42.883.771.427</b>	<b>38.421.935.902</b>
131	1. Phải thu khách hàng		39.722.710.441	35.801.810.786
132	2. Trả trước cho người bán		441.005.511	357.277.030
135	3. Các khoản phải thu khác	<b>5</b>	4.489.331.252	3.960.724.763
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.769.275.777)	(1.697.876.677)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>38.418.949.393</b>	<b>25.842.539.581</b>
141	1. Hàng tồn kho		41.059.385.448	27.291.112.165
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.640.436.055)	(1.448.572.584)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.105.438.355</b>	<b>2.249.984.110</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	<b>7</b>	781.732.308	591.476.934
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	126.209.633
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	<b>8</b>	1.323.706.047	1.532.297.543

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>11.003.686.270</b>	<b>23.991.340.961</b>
<b>220</b>	<b>II . Tài sản cố định</b>		<b>1.643.925.536</b>	<b>14.295.971.012</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.572.760.015	14.190.565.319
222	- Nguyên giá		4.802.264.799	18.350.056.526
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.229.504.784)	(4.159.491.207)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	71.165.521	105.405.693
228	- Nguyên giá		167.617.546	187.617.546
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(96.452.025)	(82.211.853)
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>750.000.000</b>	<b>2.150.000.000</b>
258	1. Đầu tư dài hạn khác		750.000.000	2.150.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>8.120.732.939</b>	<b>6.986.481.040</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	8.035.732.939	6.901.481.040
268	2. Tài sản dài hạn khác		85.000.000	85.000.000
<b>269</b>	<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>13</b>	<b>489.027.795</b>	<b>558.888.909</b>
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>166.229.164.083</b>	<b>174.326.325.360</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012*

*(tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>300</b>	<b>A . NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>40.003.986.029</b>	<b>63.814.362.397</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>39.957.986.029</b>	<b>63.572.417.890</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	690.000.000	-
312	2. Phải trả người bán		34.557.676.970	27.408.846.194
313	3. Người mua trả tiền trước		62.759.757	91.825.577
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	500.750.975	1.851.177.878
315	5. Phải trả người lao động		1.439.860.643	2.608.099.815
316	6. Chi phí phải trả	16	1.868.477.076	1.259.149.090
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	245.547.637	29.722.754.607
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		592.912.971	630.564.729
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>46.000.000</b>	<b>241.944.507</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác		46.000.000	46.000.000
336	2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	195.944.507
<b>400</b>	<b>B . VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>124.971.756.797</b>	<b>109.280.982.725</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>124.971.756.797</b>	<b>109.280.982.725</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		102.194.840.000	102.194.840.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(252.296.518)	(765.000.000)
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		36.199.650	36.199.650
414	4. Cổ phiếu quỹ		(4.090.206.866)	(6.550.527.860)
417	5. Quỹ đầu tư phát triển		14.757.720.371	2.749.504.745
418	6. Quỹ dự phòng tài chính		1.546.797.055	1.429.483.052
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10.778.703.105	10.186.483.138
<b>439</b>	<b>C . LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>1.253.421.257</b>	<b>1.230.980.238</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>166.229.164.083</b>	<b>174.326.325.360</b>



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012*

Chỉ tiêu	Thuyết minh	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
		VND	VND
1. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		433.058.764	-
2. Nợ khó đòi đã xử lý		398.797.116	280.549.366

\_\_\_\_\_  
**Vũ Thị Minh Nguyệt**  
Trưởng phòng kế toán

\_\_\_\_\_  
**Cần Hữu Hải**  
Giám đốc

*Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013*

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	147.765.044.050	108.565.235.596
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	231.196.168	300.738.422
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	147.533.847.882	108.264.497.174
11	4. Giá vốn hàng bán	22	118.315.017.026	85.470.460.930
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		29.218.830.856	22.794.036.244
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	9.100.229.877	15.181.297.089
22	7. Chi phí tài chính	24	1.053.237.426	1.420.801.289
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		80.108.322	1.361.061.733
24	8. Chi phí bán hàng	25	14.503.890.175	13.827.884.719
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	8.374.586.186	7.143.252.436
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.387.346.946	15.583.394.889
31	11. Thu nhập khác	27	29.316.856.074	330.388.610
32	12. Chi phí khác	28	12.605.324.854	105.974.224
40	13. Lợi nhuận khác		16.711.531.220	224.414.386
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		31.098.878.166	15.807.809.275
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	7.309.403.705	3.879.432.280
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		23.789.474.461	11.928.376.995
61	16.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		104.810.562	89.923.434
62	16.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		23.684.663.899	11.838.453.561
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	2.548	1.190

Vũ Thị Minh Nguyệt  
 Trưởng phòng kế toán

Cần Hữu Hải  
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013

## **BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

*Năm 2012*

*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		144.852.257.218	102.204.787.058
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(130.314.643.131)	(91.014.502.438)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(11.074.878.972)	(9.935.219.671)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(80.108.322)	(1.361.061.733)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(8.229.317.850)	(3.882.991.574)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.793.960.315	1.833.809.676
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.996.076.548)	(8.214.896.331)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(8.048.807.290)</b>	<b>(10.370.075.013)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(78.658.728)	(390.336.568)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	26.450.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(10.500.000.000)	(11.942.654.521)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		7.010.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(336.621.900)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		452.996.204	336.621.900
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.789.886.829	14.245.789.867
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>5.674.224.305</b>	<b>28.362.798.778</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		2.213.953.220	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(190.405.984)	(6.516.927.860)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		3.450.361.000	546.103.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.760.361.000)	(30.546.103.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(9.195.328.000)	(8.023.027.200)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(6.481.780.764)</b>	<b>(44.539.955.060)</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2012  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
(Tiếp theo)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(8.856.363.749)	(26.547.231.295)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		71.877.870.285	98.425.101.580
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>63.021.506.536</u>	<u>71.877.870.285</u>

Vũ Thị Minh Nguyệt  
Trưởng phòng kế toán

Cần Hữu Hải  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

### 1. THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ- BGD&ĐT-TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại: D14-D6 KĐT mới Cầu Giấy - Dịch Vọng - Cầu Giấy - Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 102.194.840.000 đồng (Một trăm linh hai tỷ một trăm chín mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Tương đương 10.219.484 cổ phần.

**Công ty có các công ty con tại thời điểm 31/12/2012 được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm :**

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Cao Bằng	Cao Bằng	55%	55%	Mua bán sách, tạp chí, bản đồ, giấy viết, dụng cụ học tập...
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục (*)	Hà Nội	100%	100%	Bán buôn sách, báo, tạp chí được phép lưu hành, VPP...

(\*) Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 14/06/2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục là 50 tỷ VND. Theo Biên bản làm việc ngày 18/06/2010, Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội sẽ thực hiện góp vốn bằng 65% Vốn điều lệ tương ứng với số tiền : 32,5 tỷ VND. Tuy nhiên, tại thời điểm 31/12/2012 mới chỉ có duy nhất Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội thực hiện góp vốn với số tiền là 1,1 tỷ VND và trực tiếp tham gia điều hành. Do đó tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại thời điểm 31/12/2012 được xác định là 100%.

#### Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101493714 ngày 24 tháng 05 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 02 tháng 04 năm 2010, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- Xây dựng nhà, văn phòng (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động kinh doanh bất động sản: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục và đào tạo: Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), dịch vụ hỗ trợ giáo dục;

- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ: tư vấn công nghệ, tư vấn môi trường (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

## **2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### **2.3. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

### **2.4. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình,

được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

## **2.5. Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.7. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tại Công ty Sách và Thiết bị trường học Cao Bằng dự phòng nợ phải thu khó đòi thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

## **2.8. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh và bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.9. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
Máy móc, thiết bị	05 – 10 năm
Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 – 05 năm
Phần mềm quản lý	10 năm

## 2.10. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

## 2.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

## 2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.



Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Đối với chi phí bản thảo Công ty đang thực hiện phân bổ vào giá thành theo sản lượng sách nhập kho. Trong trường hợp số phân bổ tính theo phương pháp phân bổ theo thời gian lớn hơn phương pháp phân bổ theo sản lượng thì phần chênh lệch sẽ được ghi nhận thẳng vào giá vốn hàng bán. Trong trường hợp ngược lại sẽ không thực hiện hạch toán điều chỉnh giá vốn hàng bán.

Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, Công ty đang thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa Giá xuất kho của các loại sách không chịu thuế và tổng giá trị tồn kho đầu kỳ cộng giá trị nhập kho trong kỳ của các loại sách không chịu thuế.

Các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng.

### **2.13. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **2.14. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

## 2.15. Ghi nhận doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.16. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.17. Các khoản thuế

### *Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

**Tại Công ty mẹ- Công ty Cổ phần Sách và Giáo dục tại Thành phố Hà Nội**

Theo hướng dẫn của Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 thì phần thu nhập của doanh nghiệp có được từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản sẽ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động. Tuy nhiên, tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính này do chưa có hướng dẫn cụ thể của các cơ quan chức năng về việc áp dụng nội dung của văn bản nêu trên đối với đặc thù hoạt động của Công ty nên tại Công ty mẹ đang áp dụng thuế suất thuế TNDN hiện hành là 25%. Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh Báo cáo tài chính khi có hướng dẫn cụ thể của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Tại Công ty mẹ- Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội và Công ty con- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Cao Bằng được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp năm 2012 do là Doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng dẫn của Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21/08/2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân.

**Tại Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Cao Bằng**

Được hưởng thuế suất thuế TNDN ưu đãi 20% trong thời gian mười năm (10 năm) áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ.

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	433.696.825	220.123.857
Tiền gửi ngân hàng	3.677.809.711	1.567.746.428
Các khoản tương đương tiền	58.910.000.000	70.090.000.000
	<b>63.021.506.536</b>	<b>71.877.870.285</b>

Chi tiết các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại 31/12/2012, như sau:

	31/12/2012
	VND
Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Quân đội - PGD Nghĩa Tân	13.910.000.000
Ngân hàng Maritime Bank - Sở Giao dịch 44 Nguyễn Du	45.000.000.000
	<b>58.910.000.000</b>

#### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn <sup>[1]</sup>	290.627.857	-
Đầu tư ngắn hạn khác	8.505.184.245	11.942.654.521
- Cho Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam vay <sup>[2]</sup>	4.705.184.245	7.132.654.521
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội	-	310.000.000
- Cho Công ty Cổ phần In Khoa học Công nghệ Hà Nội vay	-	4.500.000.000
- Cho Công ty CP In và Phát hành sách Việt Nam vay <sup>[3]</sup>	2.300.000.000	-
- Cho Công ty Cổ phần sách Dân tộc vay <sup>[4]</sup>	1.500.000.000	-
	<b>8.795.812.102</b>	<b>11.942.654.521</b>

<sup>[1]</sup> Là khoản đầu tư chứng khoán EFI với số lượng tại thời điểm 31/12/2012 là 50.000 Cổ phiếu.

<sup>[2]</sup> Hợp đồng vay vốn số 01-2009/NXBGDVN-TH ngày 26/02/2010 với những nội dung như sau:

- Tổng số tiền cho vay: 20.000.000.000 đồng;
- Thời gian vay vốn: Tối đa 03 tháng kể từ ngày chuyển tiền cho vay; Thời gian vay vốn gia hạn theo từng phụ lục của Hợp đồng;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Phục vụ kinh doanh và đầu tư;
- Tài sản đảm bảo tiền vay: Tín chấp;
- Lãi suất cho vay: 13%/năm tại thời điểm ký Hợp đồng; Lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ và theo phụ lục Hợp đồng;
- Tiền lãi vay: Tính trên cơ sở số tiền vay và thời gian vay thực tế; Bên cho vay xuất hóa đơn khoản lãi vay vốn hàng tháng;
- Thanh toán tiền gốc: Do bên vay chủ động trong thời hạn của Hợp đồng.

<sup>[3]</sup> Hợp đồng vay vốn số 01-2012/SGDHN ngày 03/01/2012 với những nội dung như sau:

- Tổng số tiền cho vay: 8.500.000.000 đồng;
- Thời hạn cho vay: Tối đa 01 năm, kể từ ngày chuyển tiền;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Kinh doanh In và Phát hành sách;
- Hình thức bảo đảm hợp đồng vay: Tín chấp;
- Lãi suất cho vay: 17%/năm, lãi suất có thể thay đổi theo thị trường và sự thỏa thuận của các bên;
- Lãi suất phạt quá hạn: 150% lãi suất cho vay;
- Cách thức tính lãi: Tính trên cơ sở số ngày vay và thời gian vay thực tế;
- Thời điểm thanh toán tiền lãi: Ngày 05 hàng tháng thanh toán tiền lãi của tháng trước;
- Thời điểm thanh toán gốc: Do bên vay chủ động trong thời hạn của Hợp đồng.

<sup>[4]</sup> Hợp đồng vay vốn số 03/2011/SGDHN ngày 13/11/2011 với những nội dung như sau:

- Tổng số tiền cho vay: 2.000.000.000 đồng;
- Thời hạn cho vay: Tối đa 03 tháng, kể từ ngày 13/12/2011 đến ngày 13/3/2012; Gia hạn thời hạn cho vay theo phụ lục Hợp đồng;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất: 17%/năm; có thể thay đổi 03 tháng/lần cho phù hợp với thị trường và thỏa thuận của các bên;
- Lãi suất phạt quá hạn: 150% lãi suất cho vay;
- Cách thức tính lãi: Tính trên cơ sở số tiền, số ngày vay và thời gian vay thực tế;
- Thời điểm thanh toán tiền lãi: Ngày 05 hàng tháng thanh toán tiền lãi của tháng trước;
- Thời điểm thanh toán gốc: Do bên vay chủ động trong thời hạn của Hợp đồng.

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, cổ tức, lợi nhuận được chia	1.232.575.570	935.507.222
Phải thu khác	3.256.755.682	3.025.217.541
- Phải thu về tiền góp vốn xin cấp đất làm nhà kho tại xã Tiên Dương - Đông Anh - Hà Nội <sup>[1]</sup>	1.915.500.000	1.915.500.000
- Phải thu về tiền góp vốn Dự án Trung tâm xuất bản - Phát hành SGK <sup>[2]</sup>	200.000.000	200.000.000
- Phải thu Ông Trần Đức Quỳnh theo hợp đồng môi giới nhà đất	-	100.000.000
- Phải thu về tiền thuế TNDN tạm nộp 2% của hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	579.000.000
- Phải thu về tiền bán Cổ phiếu quỹ chưa về tài khoản	949.477.240	-
- Phải thu các đối tượng khác	191.778.442	230.717.541
	<b>4.489.331.252</b>	<b>3.960.724.763</b>

<sup>[1]</sup> Theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 theo hình thức tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty Cổ phần in Sách giáo khoa tại TP Hà Nội và các bên là: Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất. Theo đó, Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương – huyện Đông Anh – thành phố Hà Nội. Diện tích khu đất là 7.662 m2.
- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan.
- Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 đồng, trong đó: Phần góp vốn của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội là 25% tương đương: 1.915.500.000 đồng.

<sup>[2]</sup> Đây là khoản tiền góp vốn của Công ty để cùng thực hiện dự án: “Xây dựng Trung tâm xuất bản – Phát hành Sách giáo khoa” theo Hợp đồng góp vốn số 1E/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

## 6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	13.717.680.570	2.444.397.885
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.291.513.439	1.984.849.411
Thành phẩm	13.088.456.550	15.494.973.908
Hàng hoá	5.353.549.527	6.607.418.241
Hàng gửi đi bán	1.608.185.362	759.472.720
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.640.436.055)	(1.448.572.584)
	<b>38.418.949.393</b>	<b>25.842.539.581</b>

## 7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ kết chuyển	781.732.308	591.476.934
	<b>781.732.308</b>	<b>591.476.934</b>

Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ căn cứ theo tỷ lệ giá trị sách xuất bán ra trong kỳ trên tổng giá trị sách tồn đầu kỳ cộng giá trị sách nhập trong kỳ.

## 8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	509.879.200	1.050.600.700
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	813.826.847	481.696.843
	<b>1.323.706.047</b>	<b>1.532.297.543</b>

**9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	<b>Cộng</b> VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	14.934.367.339	366.607.475	2.468.394.872	580.686.840	18.350.056.526
Số tăng trong năm	25.218.728	25.490.000	589.464.619	27.950.000	668.123.347
- Mua trong năm	25.218.728	25.490.000	260.000.000	27.950.000	338.658.728
- Tăng do phân loại lại	-	-	329.464.619	-	329.464.619
Số giảm trong năm	(13.482.599.728)	(329.464.619)	(403.850.727)	-	(14.215.915.074)
- Thanh lý, nhượng bán	(13.482.599.728)	-	(403.850.727)	-	(13.886.450.455)
- Giảm do phân loại lại	-	(329.464.619)	-	-	(329.464.619)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.476.986.339</b>	<b>62.632.856</b>	<b>2.654.008.764</b>	<b>608.636.840</b>	<b>4.802.264.799</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	1.587.892.731	360.531.106	1.761.090.337	449.977.033	4.159.491.207
Số tăng trong năm	94.996.179	8.846.400	711.769.596	59.465.294	875.077.469
- Khấu hao trong năm	94.996.179	8.846.400	382.304.977	59.465.294	545.612.850
- Tăng do phân loại lại	-	-	329.464.619	-	329.464.619
Số giảm trong năm	(1.071.748.546)	(329.464.619)	(403.850.727)	-	(1.805.063.892)
- Thanh lý, nhượng bán	(1.071.748.546)	-	(403.850.727)	-	(1.475.599.273)
- Giảm do phân loại lại	-	(329.464.619)	-	-	(329.464.619)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>611.140.364</b>	<b>39.912.887</b>	<b>2.069.009.206</b>	<b>509.442.327</b>	<b>3.229.504.784</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	13.346.474.608	6.076.369	707.304.535	130.709.807	14.190.565.319
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>865.845.975</b>	<b>22.719.969</b>	<b>584.999.558</b>	<b>99.194.513</b>	<b>1.572.760.015</b>

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 737.622.582 đồng.
- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 865.845.975 đồng.

## 10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền, Bảng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	20.000.000	167.617.546	187.617.546
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	(20.000.000)	-	(20.000.000)
- Thanh lý, nhượng bán	(20.000.000)	-	(20.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>167.617.546</b>	<b>167.617.546</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	13.883.333	68.328.520	82.211.853
Khấu hao trong năm	2.000.000	28.123.505	30.123.505
- Khấu hao trong năm	2.000.000	28.123.505	30.123.505
Số giảm trong năm	(15.883.333)	-	(15.883.333)
- Thanh lý, nhượng bán	(15.883.333)	-	(15.883.333)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>96.452.025</b>	<b>96.452.025</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	6.116.667	99.289.026	105.405.693
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>71.165.521</b>	<b>71.165.521</b>

## 11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>750.000.000</b>	<b>2.150.000.000</b>
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	750.000.000	750.000.000
- Viện nghiên cứu giáo dục <sup>[1]</sup>	-	1.400.000.000
	<b>750.000.000</b>	<b>2.150.000.000</b>

<sup>[1]</sup>Theo Biên bản số 1997/BB-NXBGDVN ngày 20/11/2012 về việc quyết toán vốn góp vào Viện Công nghệ Giáo dục, các bên đã thống nhất quyết toán, chấm dứt đầu tư và phân bổ số chi phí đầu tư cho các bên. Trong đó, chi phí phân bổ cho Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội là 947.003.796 đồng. Số chi phí này đã được Công ty hạch toán vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ. Số tiền còn lại của khoản đầu tư là 452.996.204 đồng đã được hoàn trả bằng tiền mặt vào tháng 12 năm 2012.

## 12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí bản thảo	4.030.051.121	6.883.016.766
Chi phí thuê kho	4.005.681.818	-
Chi phí bốc xếp chờ phân bổ	-	11.237.000
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	7.227.274
	<b>8.035.732.939</b>	<b>6.901.481.040</b>



### 13. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Số dư đầu năm	558.888.909	628.750.023
Số tăng trong năm	-	-
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(69.861.114)	(69.861.114)
	<b>489.027.795</b>	<b>558.888.909</b>

Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính hợp nhất trong thời gian là 10 năm.

### 14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>690.000.000</b>	-
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Cao Bằng	690.000.000	
	<b>690.000.000</b>	-

Hợp đồng vay giữa Ngân hàng Đầu tư và phát triển Cao Bằng với Công ty Cổ phần Sách và thiết bị trường học Cao Bằng với các điều khoản chi tiết sau :

- Thời hạn vay: 03 tháng ;
- Lãi suất cho vay: 13%/năm ;
- Hình thức đảm bảo khoản vay: Tín chấp.

### 15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	147.286.113	26.694.404
Thuế thu nhập doanh nghiệp	201.252.249	1.700.166.394
Thuế thu nhập cá nhân	152.212.613	124.317.080
	<b>500.750.975</b>	<b>1.851.177.878</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí dịch vụ thương mại phải trả	434.006.235	339.849.976
Trích trước chi phí thường doanh số và hoa hồng môi giới	1.179.040.993	779.122.400
Chi phí bản thảo và phí phát hành	139.857.582	115.176.714
Trích trước chi phí bảo trì cập nhật phần mềm	50.000.000	-
Chi phí phải trả khác	65.572.266	25.000.000
	<b><u>1.868.477.076</u></b>	<b><u>1.259.149.090</u></b>

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	88.579.611	155.912.516
Bảo hiểm xã hội	10.603.009	49.688.920
Bảo hiểm y tế	1.432.881	141.549
Bảo hiểm thất nghiệp	1.754.510	893.629
Các khoản phải trả, phải nộp khác	143.177.626	29.516.117.993
- <i>Phải trả ông Như Văn Quang</i>	-	28.950.000.000
- <i>Phải trả Viện Nghiên cứu giáo dục</i>	-	300.500.000
- <i>Cổ tức phải trả chủ sở hữu</i>	16.484.600	13.028.600
- <i>Phải trả, phải nộp khác</i>	126.693.026	252.589.393
	<b><u>245.547.637</u></b>	<b><u>29.722.754.607</u></b>

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>102.194.840.000</b>	<b>(765.000.000)</b>	-	<b>(33.600.000)</b>	<b>2.785.704.395</b>	<b>1.308.588.004</b>	<b>8.233.377.545</b>	<b>113.723.909.944</b>
Tăng do bổ sung vốn kinh doanh			36.199.650	-	(36.199.650)	-	-	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-		(6.516.927.860)	-	-	-	(6.516.927.860)
Lãi trong kỳ này	-	-		-	-	-	11.838.453.561	11.838.453.561
Trả cổ tức năm 2010	-	-		-	-	-	(7.951.027.200)	(7.951.027.200)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-		-	-	120.895.048	(120.895.048)	-
Trả thù lao của Hội đồng quản trị	-	-		-	-	-	(604.475.240)	(604.475.240)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-		-	-	-	(1.208.950.480)	(1.208.950.480)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>102.194.840.000</b>	<b>(765.000.000)</b>	<b>36.199.650</b>	<b>(6.550.527.860)</b>	<b>2.749.504.745</b>	<b>1.429.483.052</b>	<b>10.186.483.138</b>	<b>109.280.982.725</b>
Bán cổ phiếu quỹ	-	512.703.482	-	2.650.726.978	-	-	-	3.163.430.460
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(190.405.984)	-	-	-	(190.405.984)
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	23.684.663.899	23.684.663.899
Trả cổ tức năm 2011	-	-	-	-	-	-	(9.198.784.000)	(9.198.784.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	12.008.215.626	117.314.003	(12.125.529.629)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(1.768.130.303)	(1.768.130.303)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>102.194.840.000</b>	<b>(252.296.518)</b>	<b>36.199.650</b>	<b>(4.090.206.866)</b>	<b>14.757.720.371</b>	<b>1.546.797.055</b>	<b>10.778.703.105</b>	<b>124.971.756.797</b>

Việc trích lập các quỹ được thực hiện như sau:

	Tại công ty mẹ [1]	Tại Công ty con[2]	Tổng Cộng
	VND	VND	VND
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	12.000.000.000	8.215.626	12.008.215.626
Trích Quỹ Dự phòng tài chính	116.297.095	1.016.908	117.314.003
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.744.456.418	23.673.885	1.768.130.303

<sup>[1]</sup>Tại Công ty mẹ: Lợi nhuận năm 2012 được tạm phân phối theo Nghị quyết số 58/SGDHN của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 11/05/2012 và Nghị quyết số 08/HĐQT-SGDHN ngày 20/12/2012 của Hội Đồng Quản trị Công ty. Việc trích lập các quỹ này có thể thay đổi khi Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2013 của Công ty mẹ thông qua kết quả kinh doanh của năm 2012.

<sup>[2]</sup> Tại công ty con: Là phần tương ứng với tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ được hưởng từ trích lập các quỹ trong năm của Công ty con.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	5.928.000.000	5,80%	5.928.000.000	5,80%
Vốn góp của đối tượng khác	96.266.840.000	94,20%	96.266.840.000	94,20%
<b>Cộng</b>	<b>102.194.840.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>102.194.840.000</b>	<b>100,00%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	102.194.840.000	102.194.840.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	102.194.840.000	102.194.840.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.198.784.000	7.951.027.200
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>9.198.784.000</i>	<i>7.951.027.200</i>

**d) Cổ phiếu**

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.219.484	10.219.484
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.219.484	10.219.484
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.219.484</i>	<i>10.219.484</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	619.300	990.400
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>619.300</i>	<i>990.400</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.600.184	9.229.084
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.600.184</i>	<i>9.229.084</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

**19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	147.699.589.506	108.521.599.232
- <i>Doanh thu Sách Giáo khoa</i>	<i>13.088.882.839</i>	<i>5.784.771.956</i>
- <i>Doanh thu Sách Tham khảo</i>	<i>94.541.569.426</i>	<i>85.504.353.054</i>
- <i>Doanh thu Sách Bổ trợ</i>	<i>10.941.090.432</i>	-
- <i>Doanh thu thiết bị giáo dục</i>	<i>21.488.896.534</i>	<i>12.345.792.737</i>
- <i>Doanh thu bán vật tư</i>	<i>644.848.602</i>	<i>56.781.431</i>
- <i>Doanh thu Văn phòng phẩm</i>	<i>3.101.010.784</i>	<i>2.411.634.286</i>
- <i>Doanh thu các mặt hàng khác</i>	<i>3.893.290.889</i>	<i>2.418.265.768</i>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	65.454.544	43.636.364
	<b><u>147.765.044.050</u></b>	<b><u>108.565.235.596</u></b>

**20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại Sách tham khảo	231.196.168	300.738.422
	<b><u>231.196.168</u></b>	<b><u>300.738.422</u></b>

**21. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	147.468.393.338	108.220.860.810
- <i>Doanh thu Sách Giáo khoa</i>	<i>13.088.882.839</i>	<i>5.784.771.956</i>
- <i>Doanh thu Sách Tham khảo</i>	<i>94.310.373.258</i>	<i>85.203.614.632</i>
- <i>Doanh thu Sách Bổ trợ</i>	<i>10.941.090.432</i>	-
- <i>Doanh thu thiết bị giáo dục</i>	<i>21.488.896.534</i>	<i>12.345.792.737</i>
- <i>Doanh thu bán vật tư</i>	<i>644.848.602</i>	<i>56.781.431</i>
- <i>Doanh thu Văn phòng phẩm</i>	<i>3.101.010.784</i>	<i>2.411.634.286</i>
- <i>Doanh thu các mặt hàng khác</i>	<i>3.893.290.889</i>	<i>2.418.265.768</i>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	65.454.544	43.636.364
	<b><u>147.533.847.882</u></b>	<b><u>108.264.497.174</u></b>

## 22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	117.123.153.555	85.026.395.609
- <i>Giá vốn Sách Giáo khoa</i>	<i>11.317.560.389</i>	<i>4.785.385.369</i>
- <i>Giá vốn Sách Tham khảo</i>	<i>71.960.986.244</i>	<i>66.149.211.687</i>
- <i>Giá vốn Sách Bỏ trợ</i>	<i>8.763.530.652</i>	-
- <i>Giá vốn thiết bị giáo dục</i>	<i>20.146.889.839</i>	<i>11.305.066.102</i>
- <i>Giá vốn bán vật tư</i>	<i>635.156.624</i>	<i>86.236.207</i>
- <i>Giá vốn Văn phòng phẩm</i>	<i>2.149.392.800</i>	<i>1.861.375.956</i>
- <i>Giá vốn các mặt hàng khác</i>	<i>2.149.637.007</i>	<i>839.120.288</i>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.191.863.471	444.065.321
	<b>118.315.017.026</b>	<b>85.470.460.930</b>

## 23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.891.955.177	8.027.725.818
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	28.037.319
Cổ tức, lợi nhuận được chia	195.000.000	67.500.000
Lãi hoạt động ủy thác đầu tư	-	7.058.033.952
Chiết khấu thanh toán	13.274.700	-
	<b>9.100.229.877</b>	<b>15.181.297.089</b>

## 24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	80.108.322	1.361.061.733
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	947.003.796	-
Chi phí ủy thác đầu tư	25.932.808	59.695.556
Chi phí tài chính khác	192.500	44.000
	<b>1.053.237.426</b>	<b>1.420.801.289</b>

## 25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	54.739.150	54.486.083
Chi phí nhân công	5.918.111.252	7.311.189.433
Chi phí khấu hao tài sản cố định	303.049.216	208.603.062
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.824.624.436	4.120.166.689
Chi phí khác bằng tiền	2.403.366.121	2.133.439.452
	<b>14.503.890.175</b>	<b>13.827.884.719</b>

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.118.389	10.465.756
Chi phí nhân công	3.928.261.953	3.873.883.024
Chi phí khấu hao tài sản cố định	272.687.139	519.323.229
Thuế phí, lệ phí	11.383.000	13.999.998
Chi phí dự phòng	204.559.091	60.517.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.888.580.165	852.953.139
Chi phí khác bằng tiền	1.996.135.335	1.742.248.596
Lợi thế thương mại	69.861.114	69.861.114
	<b>8.374.586.186</b>	<b>7.143.252.436</b>

**27. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ <sup>[1]</sup>	28.980.716.409	-
Thu nhập khác	336.139.665	330.388.610
	<b>29.316.856.074</b>	<b>330.388.610</b>

**28. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá trị còn lại của Tài sản cố định thanh lý <sup>[1]</sup>	12.410.851.182	-
Chi phí khác	194.473.672	105.974.224
	<b>12.605.324.854</b>	<b>105.974.224</b>

<sup>[1]</sup> Trong đó, Thu nhập với số tiền: 28.751.625.500 đồng và Giá trị còn lại của tài sản thanh lý với số tiền: 12.410.851.182 đồng là của hợp đồng bán Căn hộ chung cư đã được công chứng xác nhận ngày 04/11/2011, Công ty thực hiện chuyển nhượng tòa nhà 5 tầng (Căn hộ 103,203,303, 403, 503 tại Lô B1, DN 14/3 Khu đô thị Nghĩa Đô, Đường Nguyễn Khánh Toàn, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội - là Văn phòng cũ của Công ty) cho Ông Như Văn Quang.

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thuế TNDN hiện hành của hoạt động kinh doanh	3.266.079.444	3.879.432.280
Thuế TNDN hoạt động chuyển nhượng bất động sản	4.043.324.261	-
	<b>7.309.403.705</b>	<b>3.879.432.280</b>

Thuế TNDN phải nộp được xác định dựa trên thu nhập tính thuế phát sinh và thuế suất thuế TNDN được hưởng của Công ty mẹ và các Công ty con.

**30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.684.663.899	11.838.453.561
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	23.684.663.899	11.838.453.561
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.293.992	9.944.606
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.548</b>	<b>1.190</b>

**31. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.635.676.403	11.059.445.519
Chi phí nhân công	9.846.373.205	11.185.072.457
Chi phí khấu hao tài sản cố định	575.736.355	727.926.291
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.628.590.151	23.898.741.233
Chi phí khác bằng tiền	4.615.443.547	3.950.205.626
	<b>63.301.819.661</b>	<b>50.821.391.126</b>



### 32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

#### Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	63.021.506.536	-	71.877.870.285	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	44.212.041.693	(1.769.275.777)	39.762.535.549	(1.697.876.677)
Các khoản cho vay	8.505.184.245	-	11.942.654.521	-
Đầu tư ngắn hạn	290.627.857	-	-	-
Đầu tư dài hạn	750.000.000	-	2.150.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>116.779.360.331</b>	<b>(1.769.275.777)</b>	<b>125.733.060.355</b>	<b>(1.697.876.677)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	690.000.000	-
Phải trả người bán, phải trả khác	34.849.224.607	57.177.600.801
Chi phí phải trả	1.868.477.076	1.259.149.090
<b>Cộng</b>	<b>37.407.701.683</b>	<b>58.436.749.891</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

#### Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

#### Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ

hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	63.021.506.536	-	-	63.021.506.536
Phải thu khách hàng, phải thu khác	42.442.765.916	-	-	42.442.765.916
Các khoản cho vay	8.505.184.245	-	-	8.505.184.245
Đầu tư ngắn hạn	290.627.857	-	-	290.627.857
Đầu tư dài hạn	-	750.000.000	-	750.000.000
<b>Cộng</b>	<b>114.260.084.554</b>	<b>750.000.000</b>	<b>-</b>	<b>115.010.084.554</b>
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	71.877.870.285	-	-	71.877.870.285
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38.064.658.872	-	-	38.064.658.872
Các khoản cho vay	11.942.654.521	-	-	11.942.654.521
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	2.150.000.000	-	2.150.000.000
<b>Cộng</b>	<b>121.885.183.678</b>	<b>2.150.000.000</b>	<b>-</b>	<b>124.035.183.678</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>				
Vay và nợ	690.000.000	-	-	690.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	34.803.224.607	46.000.000	-	34.849.224.607
Chi phí phải trả	1.868.477.076	-	-	1.868.477.076
<b>Cộng</b>	<b>37.361.701.683</b>	<b>46.000.000</b>	<b>-</b>	<b>37.407.701.683</b>
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	57.131.600.801	46.000.000	-	57.177.600.801
Chi phí phải trả	1.259.149.090	-	-	1.259.149.090
<b>Cộng</b>	<b>58.390.749.891</b>	<b>46.000.000</b>	<b>-</b>	<b>58.436.749.891</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 33. CÁC KHOẢN TIỀN DO DOANH NGHIỆP NẮM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Các khoản tiền và tương đương tiền do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng	814.551.798	-

Là các khoản tiền theo các Hợp đồng cấp bảo lãnh giữa Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Sở giao dịch và Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội.

### 34. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

### 35. BÁO CÁO BỘ PHẬN

#### Theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh sách và thiết bị giáo dục, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản.

#### Theo lĩnh vực địa lý

	Hà Nội	Cao Bằng	Loại trừ	Tổng cộng toàn DN
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	129.354.023.267	18.179.824.615	-	147.533.847.882
Tài sản bộ phận	163.158.038.279	6.058.106.961	(3.476.008.952)	165.740.136.288
Tài sản không phân bổ	-	-	-	489.027.795
Tổng chi phí mua TSCĐ	53.440.000	25.218.728	-	78.658.728

### 36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>			
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	152.081.516	242.670.801
Nhà xuất bản giáo dục tại Hà Nội	Trực thuộc NXBGD Việt Nam	29.670.000	-
<b>Trả cổ tức</b>			
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	592.800.000	592.800.000
<b>Mua hàng hóa dịch vụ</b>			
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	575.169.921	4.832.765.262
Nhà xuất bản giáo dục tại Hà Nội	Trực thuộc NXBGD Việt Nam	1.288.377.201	838.300.275
Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Trực thuộc NXBGD Việt Nam	6.571.428	46.101.298
<b>Lãi vay phải thu</b>			
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	808.475.264	1.877.534.314

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>Phải thu</b>			
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	818.937.851	654.013.436
<b>Phải thu về vốn cho vay</b>			
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	4.705.184.245	7.132.654.521
<b>Phải trả</b>			
Nhà xuất bản giáo dục tại Hà nội	Trực thuộc NXBGD Việt Nam	10.383.600	1.251.478.304
Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Trực thuộc NXBGD Việt Nam	148.002.860	291.238.490
Nhà xuất bản giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Trực thuộc NXBGD Việt Nam	75.563.700	125.563.700

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	2.004.731.004	1.528.721.642

### 37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty TNHH Dịch Vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay, do phân loại lại khoản đầu tư vào Viện Nghiên cứu Giáo dục số tiền: 1.400.000.000 đồng từ khoản mục Phải thu khác sang khoản mục Đầu tư dài hạn khác, cụ thể như sau:

	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
		VND	VND
<b>a/ Bảng Cân đối kế toán</b>			
Các khoản phải thu khác	135	3.960.724.763	5.360.724.763
Đầu tư dài hạn khác	258	2.150.000.000	750.000.000

---

**Vũ Thị Minh Nguyệt**  
Trưởng phòng kế toán

---

**Cần Hữu Hải**  
Giám đốc  
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2013